

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA**

Bản án số: 43/2025/HS-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Quỳnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đào Thanh Tùng**

Ông **Hồ Sỹ Hoài**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tổng Thùy Dương** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 430/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17A/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 14 tháng 5 năm 1989 tại: Hà Tĩnh; trú tại: Thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là Thôn V, phường B, tỉnh Khánh Hòa); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T1 và bà Trần Thị N.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Quốc H, sinh ngày 23 tháng 01 năm 1978 tại: Khánh Hòa; trú tại: Tổ D H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ D H, phường B, tỉnh Khánh Hòa); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Công Đ và bà Nguyễn Thị Thu C; vợ: Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1981, có 01 con sinh năm 2006

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định khởi tố bị can có 353/QĐ-CSHS ngày 02/10/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K về tội “Giết người” theo Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác; có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thanh T3, sinh ngày 09 tháng 6 năm 1993 tại: Khánh Hòa; trú tại: Tổ A T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H1 và bà Trần Thị Kim T4; có 04 con: lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2021

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 154/2015/HSST ngày 22/7/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/01/2017, đã nộp án phí xong năm 2015.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 270/2024/HSST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam X - Bộ C3; có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thanh T5, sinh ngày 11 tháng 5 năm 1991 tại: Khánh Hòa; trú tại: Tổ A T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H1 và bà Trần Thị Kim T4.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn C1, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1997 tại: Khánh Hòa; trú tại: Thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Q và bà Đỗ Thị C2; vợ: Nguyễn Vũ Như V, sinh năm 2003, có 02 con: con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn N1, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2002 tại: Khánh Hòa; trú tại: Thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Q và bà Đỗ Thị C2; vợ: Phạm Thị Mai T6, sinh năm 2003, có 01 con sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

7. Đinh Minh H2, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1995 tại: Khánh Hòa; trú tại: Thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Văn H3 và bà Đặng Thị G; vợ: Nguyễn Thu T7, sinh năm 2001, có 01 con sinh năm 2019

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Ông Lê Thành Đ1, sinh năm 1987; trú tại: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường C, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1983. Vắng mặt.
- Ông Trần Chí H4, sinh năm 2000. Vắng mặt.
- Ông Phạm Đình H5, sinh năm 1974. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thu T có cho Lê T8 được vay số tiền 25.000.000 đồng, T nhiều lần đòi nợ nhưng Được không trả. Đến khoảng 03 giờ ngày 11 tháng 8 năm 2023, T đang đi ăn khuya tại khu vực đường T, phường V, thành phố N cùng với Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Thanh T5, Đỗ Quốc H, thanh niên tên “T9” và một thanh niên là bạn của T9 (chưa rõ lai lịch) thì nhận được thông tin Lê Thành Đ1 đang ở tại Khách sạn R, tại địa chỉ: 2 Đ, phường V, thành phố N nên T rủ cả nhóm đi đến Khách sạn R để gặp Đ1 đòi tiền nợ.

Khi đến trước Khách sạn R, T gọi điện thoại cho Đ1 xuống trước Khách sạn nói chuyện rồi T, T5, H, T3, “T9” và bạn của T rủ Được đi sang đối diện khách sạn để T hỏi về số tiền Được nợ thì Đ1 nói không có tiền. Lúc này, T5, T3, “Tân”, bạn của T9 dùng tay, chân đánh Đ1 thì Đ1 trả lời “Đề em nói người nhà trả tiền cho chị”. Tiếp đó, H nói với Đ1 “Bây giờ mày qua quán A1 với tụi tao, khi nào người nhà trả tiền thì mới được về”.

Sau đó, T, H, T3, “Tân” và bạn của T9 bắt ép Được lên xe ô tô không rõ biển kiểm soát đưa Được đến Quán A1, địa chỉ: B đường B, phường V, thành phố N để nhóm H vừa ăn nhậu, hát hò vừa giữ Được tại Phòng 501 của Quán karaoke, còn T đi về. Đến khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày, T đi đến quán Karaoke A gọi nhóm H đưa Đ1 về nhà của T tại Phòng A Chung cư H, phường V, thành phố N để tiếp tục giữ nhưng H, T3, T5, “Tân” và bạn của T9 đòi về ngủ thì T nói “sẽ nhờ người vào trông coi Được thì mới được về”. Sau đó, T cùng H, T3, T5, “Tân” và bạn của T9 đưa Đ1 về quán cà phê N2, đối diện chung cư H để T gọi điện thoại nhờ Nguyễn Văn C1 và nhờ C1 gọi thêm người đến trông giữ Được thì C1 đồng ý. Sau đó, C1 rủ em ruột của C1 là Nguyễn Văn N1 và bạn của C1 là Đinh Minh H2 đi cùng thì tất cả đồng ý.

Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, C1, N1, H2 đi đến trước Chung cư H, phường V, thành phố N thì T, H, T3 đưa Đ1 từ quán cà phê N2 sang bàn giao cho C1, N1 và H2 rồi H, T3 đi về. Lúc này, T, C1, N1, H2 đưa Đ1 lên Phòng A1.14 Chung cư H, phường V, thành phố N để canh giữ. T dặn nhóm C1 “khi nào người nhà Được chuyển trả tiền thì mới cho về” rồi T vào phòng ngủ. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 11/8/2023, Công an phường V, thành phố N tiến hành kiểm tra tại Phòng A Chung cư H thì phát hiện và đưa các đối tượng về làm việc.

Tại bản Cáo trạng số 187/CT-VKSNT ngày 10 tháng 7 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa) đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thu T, Đỗ Quốc H, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Thanh T5 về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn N1, Đinh Minh H2 về tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu T** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Quốc H từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T3 từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Tổng hợp hình phạt 09 năm 06 tháng tù tại bản án số 270/2024/HSST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 10 năm 03 tháng đến 10 năm 09 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T5 từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn N1, Đinh Minh H2, mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo Nguyễn Thị Thu T, Đỗ Quốc H, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Thanh T5, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn N1, Đinh Minh H2 khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, người làm chứng vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa), Kiểm sát viên đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 11 tháng 8 năm 2023, Nguyễn Thị Thu T, Đỗ Quốc H, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Thanh T5 đã dùng lời lẽ đe dọa và dùng tay chân đánh đập, giữ Lê Thành Đ1 từ Khách sạn R, địa chỉ: 2 đường Đ, phường V, thành phố N đưa đến các địa điểm: Phòng 501 của Quán A1 tại địa chỉ: B đường B, phường V, thành phố N và Q1 cà phê N2 trên đường T, phường V, thành phố N. Sau đó, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn N1 và Đinh Minh H2 tiếp tục cùng Nguyễn Thị Thu T giữ Lê Thành Đ1 tại Phòng A Chung cư H, phường V, thành phố N với mục đích yêu cầu Lê Thành Đ1 phải trả nợ. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày thì hành vi của các bị cáo bị Cơ quan Công an phát hiện.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thu T, Đỗ Quốc H, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Thanh T5 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự; hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn N1, Đinh Minh H2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa) đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương và gây hoang mang trong quần chúng

nhân dân. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thanh T5, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn N1, Đinh Minh H2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho tất cả các bị cáo; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thanh T5, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn N1, Đinh Minh H2; giảm nhẹ cho tất cả các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo thực hiện hành vi mang tính đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Thị Thu T giữ vai trò là người cầm đầu, chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đỗ Quốc H là người khởi xướng nên bị cáo T giữ vai trò cao nhất, bị cáo H có vai trò thấp hơn bị cáo T nhưng cao hơn các đồng phạm khác. Các bị cáo Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Thanh T5, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn N1, Đinh Minh H2 đều là những người thực hành, tuy nhiên C1, N1, H2 chỉ thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật nên vai trò thấp hơn so với T3, T5. Vai trò của C1, N1, H2 là tương đương nhau.

Về nhân thân: Bị cáo Đỗ Quốc H và Nguyễn Thanh T3 đều có nhân thân xấu nên cần xử phạt các bị cáo này nghiêm khắc hơn so với các bị cáo khác.

Từ những nhận định, phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Thu T, Đỗ Quốc H, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Thanh T5, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn N1, Đinh Minh H2: hành vi của các bị cáo mang tính giản đơn; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng nên xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[5] Về việc tổng hợp hình phạt: Bị cáo T3 hiện đang chấp hành hình phạt tù của bản án 270/2024/HSST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa nên khi quyết định hình phạt, cần tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của bản án 270/2024/HSST ngày 27/11/2024 theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thành Đ1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng hồ sơ vụ án thể hiện bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với đối tượng “Tân” chưa xác định được lai lịch nên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K tiếp tục điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ thì xem xét xử lý sau.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu T 09 (chín) tháng tù** về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đỗ Quốc H 09 (chín) tháng tù** về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T3 09 (chín) tháng tù** về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Tổng hợp hình phạt 09 năm 06 tháng tù tại bản án số 270/2024/HSST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **10 (mười) năm 03 (ba) tháng tù**.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành bản án số 270/2024/HSST ngày 27/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (tức ngày 05/01/2024).

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T5 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn N1, Đinh Minh H2:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo** về tội “*Giữ người trái pháp luật*”. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31 tháng 7 năm 2025).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo** về tội “*Giữ người trái pháp luật*”. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31 tháng 7 năm 2025).

Xử phạt bị cáo **Đinh Minh H2 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo** về tội “*Giữ người trái pháp luật*”. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31 tháng 7 năm 2025).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn N1, Đinh Minh H2 cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Khánh Hòa) giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn N1, Đinh Minh H2 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Khánh Hòa trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Thị Thu T, Đỗ Quốc H, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Thanh T5, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn N1, Đinh Minh H2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 1 – Khánh Hòa;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ, án văn, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quỳnh Trang